

Bản án số: 621/2022/DS-PT

Ngày: 28/9/2022.

V/v T/c thừa kế về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình.

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Bích Loan.

Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp thừa kế về tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2018/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4382/2022/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11659/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1968

Địa chỉ: 008 Tầng 01 Lô A1 Chung cư T, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 65 Đường 97, khu phố 2, phường T, Thành Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đăng L3 - Luật sư Văn phòng luật sư Lê Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 1/2 Đường Số 9, khu phố 4, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 83 Đường G, , phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trương Thị H - Luật sư Văn phòng luật sư Trương Thị Hòa, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 91 N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hồ Thị Thanh L , sinh năm 1966.

Địa chỉ: 64/2A khu phố Mỹ Thành, phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Hồ Thị Ngọc L2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 64/4 khu phố Mỹ Thành, phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Hồ Thị Thanh T , sinh năm 1973.

Địa chỉ: 59 Phạm Công Trứ, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Hồ Thanh S , sinh năm 1976.

Địa chỉ: 804 Lầu 8 Cao ốc An Phúc- An Lộc, phường An Phú, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T, bà L, bà L2, ông S : Bà Hồ Thị N, sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền công chứng số 000003041 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/3/2019 và số 000002684 ngày 10/3/2016 lập tại Văn phòng công chứng Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, bà L2, bà T, ông S : Ông Lê Đăng L3- Luật sư Văn phòng luật sư Lê Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 1/2 Đường Số 9, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 83 Đường G1, khu dân cư số 1, Khu phố 2, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 168 T, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Minh L (Giấy ủy quyền số 5297/UBND-GUQ ngày 15/12/2015).

7/ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thành phố T.

Trụ sở: 936 N, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc N (Giấy ủy quyền số 29/UQ-CI2 ngày 28/7/2022).

Người kháng cáo: Bị đơn - bà Hồ Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn - bà Hồ Thị N trình bày:

Cha, mẹ của bà N là ông Hồ Văn Đ, chết ngày 19/8/2015 (có giấy chứng tử) và bà Nguyễn Thị C, chết ngày 13/11/1998 (có giấy chứng tử). Cha, mẹ của ông Hồ Văn Đ là ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị H, đều chết trước ông Đ (không có giấy chứng tử). Cha, mẹ của bà Nguyễn Thị C là ông Nguyễn Văn Lô và bà Nguyễn Thị Lâm, đều chết trước bà C (không có giấy chứng tử).

Ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Thị C có tất cả 06 người con, gồm: Bà Hồ Thị Thanh L, sinh năm 1966; bà Hồ Thị N, sinh năm 1968; bà Hồ Thị Ngọc L2, sinh năm 1971; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1973; ông Hồ Thanh S, sinh năm 1976; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1978.

Di sản thừa kế: Trong quá trình chung sống, cha mẹ bà N có tạo lập được khối tài sản chung là 03 căn nhà gồm: Căn nhà số 37/4A, số 37/4C và số 37/4D L, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là 37/4A, 37/4C và 37/4D). Toàn bộ khuôn viên nhà và đất của 03 căn nhà này nằm trong khu quy hoạch giải tỏa Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận H. Căn cứ Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật số 39/DSST ngày 29/10/2003 của Tòa án nhân dân Quận H, thì những người thừa kế di sản của bà C gồm: ông Hồ Văn Đ, Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S và bà Hồ Thị Thanh T đã thống nhất xác nhận toàn bộ khuôn viên nhà và đất của 03 căn nhà số 37/4A, số 37/4C và số 37/4D là tài sản chung của bà Nguyễn Thị C và ông Hồ Văn Đ. Do thời điểm này ông Đ chưa chết nên các bên tranh chấp và giải quyết tranh chấp là phần di sản của bà C để lại.

Trong quá trình thi hành án đối với bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003, Ủy ban nhân dân Quận H tiếp tục bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung và tái định cư đối với 03 căn nhà nêu trên của ông Đ, bà C nhiều lần, cụ thể:

- Căn nhà số 37/4A do ông Hồ Văn Đ đứng tên chủ hộ, ông Đ nhận toàn bộ tiền đền bù, tiền hỗ trợ thiệt hại và nhận tiêu chuẩn đền bù là căn hộ 804 Chung cư An Phúc - An Lộc. Căn hộ này ông Đ đã nhận và đã tặng cho lại con ruột là ông Hồ Thanh S. Hiện nay căn hộ này ông S đã bán cho người khác.

- Căn nhà 37/4C do bà Hồ Thị N đứng tên chủ hộ và phần nhà trên đất do bà N xây cất nên ngày 10/8/2008 ông Hồ Văn Đ đã ký giấy tặng cho bà N. Bà N đã nhận tiền đền bù, tiền hỗ trợ và nhận tiêu chuẩn tái định cư là căn hộ 815 Chung cư An Phúc - An Lộc. Hiện nay căn hộ này bà N đã bán cho người khác.

- Căn nhà 37/4D do bà Hồ Thị Thanh T đứng tên chủ hộ. Hồ sơ đền bù do bà T đại diện ông Đ và các đồng thừa kế kê khai để nhận tiền bồi thường, tiền hỗ trợ và suất tái định cư là nền đất M23 (diện tích 144m², thuộc thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại địa chỉ Khu dân cư số 1, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh, nay là địa chỉ số 83, đường G1, khu dân cư số 1, khu phố 2, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh), (sau đây gọi tắt là M23).

Khi còn sống ông Đ là người đại diện gia đình kê khai, lập hồ sơ nhận tiền bồi thường và tặng cho bà N tài sản để bà N trực tiếp lập hồ sơ nhận bồi thường đối với căn nhà 37/4C.

Riêng căn nhà số 37/4D ông Đ không có văn bản tặng cho bà T tài sản này. Do ông Đ sinh sống chung nhà với bà T và do già yếu nên ông Đ đồng ý

để bà T đại diện cho ông Đ và các đồng thừa kế của bà C đứng ra tiến hành kê khai, lập hồ sơ nhận tiền bồi thường, tiền hỗ trợ và nhận suất tái định cư là nền đất M23. Ông Đ chết ngày 19/8/2015, không để lại di chúc, nên toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và suất tái định cư cho người có đất bị thu hồi, được nhận từ căn nhà số 37/4D (kể cả tiền bồi thường bổ sung, tiền hỗ trợ thiệt hại bổ sung hay nền đất hoán đổi...) đều là di sản thừa kế của bà C, ông Đ.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với quyền tài sản phát sinh từ căn nhà số 37/4D gồm: giá trị tiền bồi thường, tiền hỗ trợ thiệt hại và trị giá nền đất tái định cư M23 mà bà T đại diện đã nhận từ Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, cụ thể:

- + Tiền mặt là 842.426.000 đồng;
- + Trị giá nền đất tái định cư M23.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến theo các đơn khởi kiện và xác định lại các yêu cầu, yêu cầu bổ sung như sau:

- Không yêu cầu Tòa án hủy bỏ các quyết định hành chính cá biệt trong việc giải quyết tranh chấp thừa kế này, đối với các Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân Quận H về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho một mình bà Hồ Thị Thanh T (thay vì cho ông Hồ Văn Đ và các đồng thừa kế của bà C). Vì bà N không có ý kiến tranh chấp về diện tích đất bị thu hồi, về giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại hay trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính.

- Yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ số tiền mặt bà T đã nhận từ Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, sau khi chi trả số tiền nhận nền đất M23, số tiền chênh lệch thừa là 842.426.000 đồng; Trị giá nền đất tái định cư M23 mà bà T đứng tên chủ sử dụng đất và số tiền 132.838.000 đồng trong 02 sổ tiết kiệm của ông Hồ Văn Đ đứng tên là di sản thừa kế của ông Đ và bà C.

- Yêu cầu Tòa án phân chia toàn bộ di sản của ông Đ và bà C theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế gồm 06 người: Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S, bà Hồ Thị Thanh T. Mỗi người được nhận một phần ngang nhau.

- Bà Hồ Thị N có nguyện vọng được mua lại nền đất tái định cư M23, để làm nơi lui, tới cho các anh chị em trong việc thờ tự cha mẹ.

Bị đơn - bà Hồ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ nhân thân: Bà T thừa nhận cha, mẹ ruột là ông Hồ Văn Đ, chết ngày 19/8/2015 và bà Nguyễn Thị C chết ngày 13/11/1998. Cha, mẹ của ông Hồ Văn Đ là ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị H đều chết trước ông Đ (không có giấy chứng tử). Cha, mẹ của bà Nguyễn Thị C là ông Nguyễn Văn Lộ và bà Nguyễn Thị Làm đều chết trước bà C (không có giấy chứng tử). Bà T thừa nhận ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Thị C có tất cả 06 người con như bà N trình bày là đúng.

Về di sản thừa kế:

- Bà T không thừa nhận toàn bộ giá trị tiền bồi thường, tiền hỗ trợ thiệt hại phát sinh từ nhà đất số 37/4D và trị giá nền đất tái định cư M23 là di sản thừa kế của ông

Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Thị C. Bà T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N và những người liên quan là bà L, bà T, bà L2, ông S vì toàn bộ hồ sơ nhận tiền bồi thường từ căn nhà số 37/4D do bà T tự lập kê khai. Đây là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà T, do cha mẹ tặng cho bà T (bằng lời nói từ năm 1996, đến ngày 12/10/1998 có viết giấy tay), vì vậy nhà, đất nêu trên không còn là tài sản của bà C và ông Đ nên không phải là di sản thừa kế của bà C, ông Đ để giải quyết yêu cầu chia thừa kế theo luật định.

- Bà T thừa nhận trị giá 02 Sổ tiết kiệm đứng tên ông Hồ Văn Đ, với số tiền (112.166.667 đồng + 20.671.333 đồng) là 132.838.000 đồng và lãi phát sinh là di sản thừa kế của ông Hồ Văn Đ. Bà T đồng ý chia thừa kế đối với số tiền tiết kiệm này cho 05 anh chị em của bà T, riêng phần của mình thì bà T tự nguyện không nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S (có bà Hồ Thị N đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Các ông bà đều thống nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn. Nay các ông bà yêu cầu Tòa án phân chia toàn bộ di sản của ông Đ và bà C theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế cùng hàng thừa kế, gồm 06 người: Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S, bà Hồ Thị Thanh T. Mỗi người được nhận một phần di sản ngang nhau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Hồ Thị Thanh T, đang cư trú tại địa chỉ 83 Đường G, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh. Tại bản tự khai ngày 11/7/2016, ông T xác nhận nhà đất tại địa chỉ 83, đường G1, Khu dân cư số 1, Khu phố 2, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh là tài sản riêng của vợ (bà Hồ Thị Thanh T) do tạo lập trước khi kết hôn. Bản thân ông T xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân Quận H cũ (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) có văn bản trình bày:

Việc “tranh chấp thừa kế” giữa nguyên đơn và bị đơn, đối với căn nhà bị giải tỏa tại địa chỉ số 37/4D là giao dịch dân sự giữa các bên nên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Quận H. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận H đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu của đương sự theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận H (nay là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích thành phố T) có văn bản trình bày:

Bà Hồ Thị Thanh T được Ủy ban nhân dân Quận H bố trí tái định cư nền đất M23, lô M, khu dân cư số 1-143ha, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 03/3/2009. Ngày 31/12/2009, Công ty

quản lý và phát triển nhà Quận H ký hợp đồng bố trí tái định cư số 509/HĐ-PTN-QLN với bà Hồ Thị Thanh T đối với nền đất M23 và đã thanh lý hợp đồng theo Biên bản ngày 15/01/2010. Hiện nay, nền đất số M23 đã được Ủy ban nhân dân Quận H cấp giấy chứng nhận số CH00935 ngày 06/8/2010 cho bà T. Đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 84/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận H (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 21; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39; Điều 91, 95, 96, 99, 101 và Điều 210 khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 631, 645, 674, 676 Bộ luật dân sự năm 2005 tương ứng tại các Điều 609, 649, 651, 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Phân chia di sản thừa kế của ông Hồ Văn Đ, bà Nguyễn Thị C trị giá thành tiền là 7.660.876.183 đồng, cho 06 người cùng hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Hồ Thị Thanh L, sinh năm 1966; bà Hồ Thị N, sinh năm 1968; bà Hồ Thị Ngọc L2, sinh năm 1971; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1973; ông Hồ Thanh S, sinh năm 1976; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1978.

Cụ thể:

- Phân chia di sản thừa kế cho bà Hồ Thị N, trị giá di sản tương đương số tiền gồm: 168.588.200đ + 1.080.000.000đ + 28.224.497đ. Cộng là 1.276.812.697 đồng.

- Phân chia di sản thừa kế cho Bà Hồ Thị Thanh L, trị giá di sản tương đương số tiền gồm: 168.588.200đ + 1.080.000.000đ + 28.224.497đ. Cộng là 1.276.812.697 đồng.

- Phân chia di sản thừa kế cho bà Hồ Thị Ngọc L2, trị giá di sản tương đương số tiền gồm: 168.588.200đ + 1.080.000.000đ + 28.224.497đ. Cộng là 1.276.812.697 đồng.

- Phân chia di sản thừa kế cho bà Hồ Thị Thanh T, trị giá di sản tương đương số tiền gồm: 168.588.200đ + 1.080.000.000đ + 28.224.497đ. Cộng là 1.276.812.697 đồng.

- Phân chia di sản thừa kế cho ông Hồ Thanh S, trị giá di sản tương đương số tiền gồm: 168.588.200đ + 1.080.000.000đ + 28.224.497đ. Cộng là 1.276.812.697 đồng.

- Phân chia di sản thừa kế cho bà Hồ Thị Thanh T, trị giá di sản tương đương số tiền gồm: 168.588.200đ + 1.080.000.000đ + 28.224.497đ. Cộng là 1.276.812.697 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi của cả 02 Thẻ tiết kiệm là 169.346.983 đồng được thi hành án tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

Buộc bà Hồ Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Bà Hồ Thị Thanh L , bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T , và ông Hồ Thanh S mỗi người số tiền là 1.248.588.200 đồng (gồm: 168.588.200đ + 1.080.000.000đ). Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà Hồ Thị Thanh T không chịu thi hành án thì phát mãi theo pháp luật toàn bộ quyền sử dụng đất và căn nhà tại 83 Đường G1, Khu dân cư số 1, Khu phố 2, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh do bà Hồ Thị Thanh T đứng tên chủ quyền, để bảo đảm thực hiện việc thi hành án: trả cho Bà Hồ Thị Thanh L , bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T và ông Hồ Thanh S mỗi người số tiền 1.248.588.200 đồng.

Trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015...”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2018, bà Hồ Thị Thanh T kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án số 84/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, vì bản án sơ thẩm xét xử chưa khách quan, việc đánh giá chứng cứ không đúng với quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, cụ thể:

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất số 83, đường G, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (trước là 37/4D L , phường A , Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) là di sản thừa kế của bà C để lại đã được phân chia tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/DSST ngày 29/10/2003 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, nên không thể chia lần thứ hai.

- Đối với yêu cầu chia tiền bồi thường, hỗ trợ 1.011.529.200 đồng là không đúng vì nó không thuộc di sản thừa kế của bà C và ông Đ. Vì ngày 12/10/1998 bà C đã làm Giấy cho bà căn nhà 37/4D, sau đó Bản án sơ thẩm số 39/DSST ngày 29/10/2003 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định giá trị đất đã được phân chia và phần tài sản trên đất của nhà 37/4D là của bà nên bà tiếp tục thực hiện lập hồ sơ bồi thường với vai trò là đối tượng trực tiếp quản lý, sử dụng, không phải là đại diện thừa kế như bản án sơ thẩm nhận định. Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào hồ sơ đăng ký kê khai theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và sự thỏa thuận của các đương sự phân chia thừa kế bằng bản án số 39/DSST đã có hiệu lực thi

hành. Do vậy, hồ sơ bồi thường chỉ có duy nhất tên bà là có căn cứ và cơ sở pháp lý.

Do đó, bà yêu cầu sửa bản án số 84/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận H (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc phân chia di sản thừa kế là nhà đất số 83, đường G, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.011.529.200 đồng.

Ngày 13/4/2022, bà Hồ Thị N có đơn đề nghị định giá lại tài sản tranh chấp. Ngày 29/7/2022, Hội đồng định giá đã định giá lại tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất tại nền M23 là 10.080.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Nguyên đơn - bà Hồ Thị N trình bày:* Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, chỉ tính toán lại phân chia theo biên bản định giá ngày 29/7/2022.

** Bị đơn - bà Hồ Thị Thanh T trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do di sản thừa kế đã được chia theo Bản án số 39/DSST ngày 29/10/2002 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hồ Thị Thanh T, Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị Ngọc L2, ông Hồ Thanh S (có bà Hồ Thị N đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Các ông bà đều thống nhất toàn bộ với lời trình bày của nguyên đơn. Nay các ông bà yêu cầu Tòa án phân chia toàn bộ di sản của ông Đ bà C theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế cùng hàng thừa kế, gồm 06 người: Bà Hồ Thị Thanh L, sinh năm 1966; bà Hồ Thị N, sinh năm 1968; bà Hồ Thị Ngọc L2, sinh năm 1971; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1973; ông Hồ Thanh S, sinh năm 1976; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1978. Với mỗi người được nhận một phần di sản ngang nhau và đồng ý với biên bản định giá ngày 29/7/2022.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn T không trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thành phố T (có bà Phan Thị Minh Loan đại diện) và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích thành phố T (có bà Nguyễn Thị Ngọc N đại diện):* Có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Đăng L trình bày:*

Nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ 37/4D L, phường A, Quận H (cũ), TP. Hồ Chí Minh do ông Đ và bà C tạo lập từ năm 1989. Bản án sơ thẩm số 39/DSST ngày

29/10/2003 của Tòa án nhân dân Quận H, đã có hiệu lực pháp luật, theo bản án đó thì các bên đã cùng thừa nhận 37/4D ... là tài sản của ông Đ và bà C, đồng ý chia $\frac{1}{2}$ phần di sản của bà C để lại.

Sau thời điểm đó, đến năm 2011 ông Đ vẫn xác định nhà là của ông Đ, bà T chỉ là người đứng tên làm các thủ tục, nhận các khoản bồi thường thay cho ông Đ, chứ ông Đ không có văn bản nào xác nhận là đã cho bà T. Khi lập hồ sơ bồi thường bà T đã lợi dụng việc bà đang được đứng tên và không khai báo trung thực nên các quyết định về bồi thường đều ghi tên một mình bà T là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay các đương sự có xác định rõ lại các yêu cầu và tài sản tranh chấp đã được định giá lại, nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm tính lại số tiền các đồng thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật.

Bà N không trình bày gì thêm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn - bà Trương Thị H trình bày:

- Đối tượng tranh chấp trong vụ án này là nhà đất tại số 37/4D L, P.An Khánh, Q.2 đã được giải quyết bằng bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003. Theo bản án trên thì phần đất đã được giải quyết, phần kiến trúc (nhà) trên đất đã được thừa nhận là của bà T. Ngoài ra, bà C chết năm 1998, trước khi chết bà C đã có văn bản cho bà T, ông Đ cũng ký xác nhận. Tại bản án số 39/DSST bà T cũng đồng ý thỏa thuận chia trong số tiền dự kiến của nhà đất số 37/4D là 334.867.200 đồng, chứ không có nghĩa loại bỏ hết các quyền của bà T theo như bà C đã cho bà T. Sau khi bản án 39/DSST được ban hành thì đến năm 2008 cơ quan thi hành án đã có Công văn số 259/THA ngày 21/4/2008 xác nhận đã thi hành xong bản án số 39/DSST, do đó sự việc đã được giải quyết xong.

- Việc bố trí tái định cư chỉ áp dụng đối với người có đất ở, nhà ở. Theo CV số 1991/CV-QLĐT ngày 14/8/2003 của UBND Q.H đã xác định tình trạng pháp lý nguồn gốc hình thành, tạo lập nhà đất là của ông Đ, bà C và ông Đ, bà C đã xây dựng hợp pháp. Sau đó Chi cục Thuế cũng có văn bản trả lời bà T là người đi làm các thủ tục kê khai đóng thuế sau khi bà C qua đời. Do đó, việc đền bù và cấp nền M23 cho bà T là đúng.

- Đối với số tiền tại hai thẻ tiết kiệm đứng tên ông Đ, không có đơn yêu cầu giải quyết, không đóng tạm ứng án phí, đề nghị HĐXX không giải quyết.

Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà T, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - bà Hồ Thị Thanh T trình bày bổ sung:

Thực chất căn nhà này cha mẹ đã cho bà từ năm 1998, nên bà là người đã đi làm tất cả các thủ tục nhận tiền đền bù bồi thường, ngay cả khi các nhà giáp ranh bên cạnh cần ký xác nhận về việc giáp ranh thì bà cũng là người ký chứ không phải ông Đ ký. Ngoài ra số tiền được bồi thường do bà giữ đã được sử dụng để thi hành bản án số 39/DSST và chăm sóc cho cha bà. Vì vậy toàn bộ số tiền nhận bồi thường đã hết không còn để chia thừa kế.

Còn nền M23 là thuộc quyền sở hữu của bà vì đã được cha mẹ cho và đã được cấp Giấy chứng nhận. Do đó bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Đối với hai sổ tiết kiệm của ông Đ, gốc và lãi tạm tính là 169.346.983 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự khẳng định không có đơn yêu cầu chia số tiền nêu trên, không đóng tạm ứng án phí, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và giải quyết là vượt quá yêu cầu của đương sự.

- Đối với yêu cầu chia số tiền 842.426.000 đồng nhận đền bù và nền đất tái định cư M23: Xét thấy nhà đất số 37/4D có nguồn gốc do ông Đ, bà C sử dụng từ trước năm 1990, chưa được cấp giấy chứng nhận, đến năm 1996 cho con là Hồ Thị Thanh T sử dụng cho đến nay. Ngày 29/10/2003 TAND Quận H ban hành bản án số 39/DSST công nhận sự thỏa thuận của các đương sự xác định quyền sử dụng đất của 03 căn nhà số 37/4A, 37/4C và 37/4D có giá trị dự kiến là 524.658.080 đồng. Tại Tòa bị đơn xác định đã thi hành xong bản án nêu trên, nguyên đơn cho rằng chưa thi hành xong nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Theo Công văn của cơ quan thi hành án xác định đã kết thúc việc thi hành án.

- Đến năm 2015 ông Đ chết, phần di sản thừa kế của ông Đ chưa chia, bà T nhận tiền đền bù và suất tái định cư đối với nền M23 được nhận xuất phát từ việc giải tỏa đền bù nhà đất số 37/4D.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định di sản thừa kế của ông Đ để lại là $\frac{1}{2}$ số tiền nhận đền bù giải tỏa và $\frac{1}{2}$ số tiền nền đất M23.

- Không xem xét giải quyết đối với số tiền trong hai thẻ tiết kiệm của ông Đ, tạm tính là 169.346.983 đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo đề ngày 29/10/2018 của bà Hồ Thị Thanh T làm trong thời hạn luật định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Thành phố T và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thành phố T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Thời điểm mở thừa kế:*

Căn cứ bản sao Giấy chứng tử số 46/2015, quyền số 1/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/8/2015 thì ông Hồ Văn Đ chết ngày 19/8/2015. Căn cứ bản sao Giấy chứng tử số 43, quyền số 1/1998 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2015 thì bà Nguyễn Thị C chết ngày 13/11/1998. Căn cứ Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu mở thừa kế vẫn còn.

[2.2] *Hàng thừa kế:*

Căn cứ lời khai thừa nhận của các đương sự thì cha mẹ của ông Đ và bà C đã chết trước ông Đ và bà C (không có giấy chứng tử).

Căn cứ vào Giấy khai sinh những người con của người chết (bà C, ông Đ) và lời khai thừa nhận của các đương sự thì có cơ sở xác định người thừa kế theo pháp luật cùng hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Hồ Thị Thanh L, sinh năm 1966; bà Hồ Thị N, sinh năm 1968; bà Hồ Thị Ngọc L2, sinh năm 1971; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1973; ông Hồ Thanh S, sinh năm 1976; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1978.

[2.3] *Di sản thừa kế:*

Nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ 37/4D L, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Đ và bà C tạo lập từ năm 1989, trên phần đất sử dụng trước đây là đất nông nghiệp. Năm 1998, bà Nguyễn Thị C chết và để lại căn nhà này cho con là bà Hồ Thị Thanh T sử dụng. Căn nhà 37/4D trước đây là 02 căn, năm 2000 sửa chữa thành một căn. Bà Nguyễn Thị C chết ngày 13/11/1998, chồng và các con bà C nộp đơn khởi kiện tranh chấp đối với phần di sản thừa kế của bà C và đã được giải quyết bằng bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003.

Sau khi có bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003 Ủy ban nhân dân Quận H đã ban hành các Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 02/6/2008; Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 19/6/2008; Quyết định số 7883/QĐ-UBND ngày 03/10/2008; Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 02/6/2008; Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 03/3/2009; Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 02/4/2009; Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 02/4/2009; Quyết định số 8444/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 cùng với các Bảng chiết tính giá trị để thu hồi nhà đất, bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư nền đất đối với hồ sơ phát sinh từ nhà đất số 37/4D L, phường A, Quận H, TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đối tượng được điều chỉnh bởi các quyết định hành chính nêu trên phải là ông Hồ Văn Đ và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị C. Việc Ủy ban nhân dân Quận H lập hồ sơ, và ban hành quyết định thu hồi nhà đất, bồi thường, hỗ trợ

thiệt hại và tái định cư nền đất cho bà Hồ Thị Thanh T là không đúng đối tượng, xét đây là các quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền, đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn Đ và các đồng thừa kế của bà C trong vụ việc dân sự này. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thống nhất không yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính nêu trên, không khiếu nại gì đối với việc giải tỏa, đền bù, số tiền nhận bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và suất tái định cư..., nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải hủy các quyết định cá biệt trái pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận H trong vụ việc dân sự này.

Theo Bản án sơ thẩm số 39/DSST ngày 29/10/2003 thì ông Đ và các con của bà C đã thống nhất thỏa thuận chia di sản thừa kế của bà C, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất đối với căn nhà 37/4D theo số tiền mà Ban đền bù giải phóng mặt bằng dự kiến sẽ bồi thường là 334.867.200 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì từ năm 2008 đến năm 2010 Ban đền bù giải phóng mặt bằng đã nhiều lần bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư liên quan tới nhà đất 37/4D, tổng cộng là 1.385.929.000 đồng và suất tái định cư là nền đất M23, bà T khẳng định bà là người trực tiếp nhận các khoản tiền và nền đất nêu trên.

Bà T kháng cáo cho rằng các ông bà N, Lan, Liên, Thủy, Sang yêu cầu chia thừa kế đối với nền đất M23 và số tiền 1.011.529.200 đồng là không có căn cứ vì bà C đã làm Giấy cho bà căn nhà 37/4D vào ngày 12/10/1998 (có ông Đ xác nhận) và đã được chia theo bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003. Xét thấy, mặc dù trước đó bà C có làm giấy cho bà T căn nhà 37/4D nhưng khi vụ án được giải quyết bằng bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003 thì chính bà T đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận cùng với các đồng thừa kế khác xác định di sản thừa kế của bà C là quyền sử dụng đất tọa lạc tại 37/4D, đồng thời bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003 chỉ mới chia theo giá dự kiến do Ban đền bù giải phóng mặt bằng đưa ra, chứ không phải là giá chính thức đầy đủ. Ngoài ra, việc bà T kháng cáo cho rằng số tiền nhận đền bù đã được thi hành theo bản án số 39/DSST nên không còn là không đúng vì theo bản án 39/DSST xác định giá trị đất tại 37/4D chỉ có 334.867.200 đồng, số tiền còn lại bà T nhận nhưng không có chứng cứ chứng minh đã sử dụng hợp lý. Kể từ khi Bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003 của Tòa án nhân dân Quận H đã có hiệu lực pháp luật, đến thời điểm mở thừa kế của ông Hồ Văn Đ (ngày 19/8/2015), không có chứng cứ nào chứng minh về quyền tài sản của ông Đ phát sinh từ căn nhà số 37/4D, đã được tặng cho lại hợp pháp cho bà T. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà N, Lan, Liên, Thủy, Sang là có căn cứ, đúng pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và lời trình bày tại phiên tòa thì bà N khẳng định chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với căn nhà số 37/4D được bồi thường hỗ trợ là số tiền 842.426.000 đồng (đã trừ số tiền chi trả để mua nền M23) và nền đất M23, riêng số tiền bồi thường hỗ trợ liên quan đến phần xây dựng nhà, việc chấp hành tốt việc di dời thì không yêu cầu giải quyết. Tại bản án số 39/DSST ngày 29/10/2003 đã giải quyết chia di sản thừa kế quyền sử dụng

đất đối với căn nhà số 37/4D theo giá dự kiến là 334.867.200 đồng nên cần phải trừ đi số tiền đã giải quyết nêu trên. Do đó, xác định di sản thừa kế của ông Đ và bà C còn lại là 507.558.800 đồng và nền đất M23. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết chia thừa kế đối với số tiền 1.011.529.200 đồng là vượt quá yêu cầu của đương sự, nên cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[2.4] Về chia di sản thừa kế:

Theo kết quả của Hội đồng định giá lại tài sản lập ngày 29/7/2022 thì trị giá nền đất M23 là quyền sử dụng đất diện tích 144m² tại thửa đất số 628, tờ bản đồ số 30 tọa lạc địa chỉ: 83, đường G1, Khu dân cư số 1, phường T, Thành phố T (Quận H), TP. Hồ Chí Minh là $(144\text{m}^2 \times 70.000.000\text{đ/m}^2) = 10.080.000.000$ đồng.

Toàn bộ trị giá tài sản được xây dựng trên nền đất M23 là căn nhà số 83, đường G1, Khu dân cư số 1, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh các đương sự đều thống nhất đây là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà T, do bà T tạo lập. Bà T đang trực tiếp sử dụng diện tích đất 144m², sở hữu căn nhà 83, đường G1, khu dân cư số 1, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh xây dựng trên nền diện tích 144m² và đã được cấp Giấy chứng nhận. Xét thấy, phần diện tích đất không thay đổi, bà T xây nhà và được sử dụng từ khi nhận đến nay, nên không có công sức đóng góp gì đối với phần di sản thừa kế là nền đất M23. Do không thể phân chia di sản M23 theo hiện vật, nên giao cho bà T tiếp tục sử dụng và buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho 05 đồng thừa kế còn lại trị giá di sản thừa kế được hưởng bằng tiền.

Tổng giá trị di sản của ông Đ, bà C là 10.587.558.800 đồng (10.080.000.000 đồng + 507.558.800 đồng), được chia thành 06 kỷ phần bằng nhau cho những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S, bà Hồ Thị Thanh T, mỗi người được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế tương đương số tiền là $(1.680.000.000 \text{ đồng} + 84.593.133 \text{ đồng}) = 1.764.593.133 \text{ đồng}$. Bà T có trách nhiệm trả cho bà L, bà N, bà L2, bà T, ông S mỗi người 1/6 trị giá di sản thừa kế (tương đương 1.764.593.133 đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.5] Đối với yêu cầu chia số tiền 132.838.000 đồng và tiền lãi:

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khẳng định tại cấp sơ thẩm không nộp đơn yêu cầu giải quyết, không đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tổng số tiền là 132.838.000 đồng và tiền lãi trong hai Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số seri: AAA 5687430 và AAB 0062214, cùng đứng tên ông Hồ Văn Đ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết yêu cầu này là vượt quá phạm vi yêu cầu của các đương sự, nên cần phải sửa phần này.

[2.6] Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2018/QĐ-ADBP KC ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố T (Quận H cũ), để bảo đảm việc thi hành án đối với các khoản phải thi hành án.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2018/QĐ-ADBP KC ngày 25/5/2018 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 14/2018/QĐ-BPBD ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận H sẽ hết hiệu lực thi hành ngay sau khi các bên đương sự thi hành án xong. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn (Phòng giao dịch khu công nghiệp C) có trách nhiệm giải tỏa số tiền bảo đảm 300.000.000 đồng của bà Hồ Thị N tại tài khoản phong tỏa tại ngân hàng.

[2.7] Đối với nghĩa vụ tài sản của các đồng thừa kế:

Tại cấp sơ thẩm các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền khám chữa bệnh cho ông Đ là 92.870.852 đồng và tiền chi phí lo mai táng cho ông Đ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và một phần kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm như trên.

[3] Án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S, bà Hồ Thị Thanh T, mỗi người phải nộp là 64.937.793 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

[3.2] Chi phí tố tụng:

- Chi phí cho việc thành lập Hội đồng định giá tài sản và chi phí tiến hành thẩm định giá tài sản là 5.000.000 đồng, theo Phiếu thu số CT36 ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận H, được chia đều cho các đương sự: bà L, bà N, bà L2, bà T, ông S và bà T có nhận di sản thừa kế. Mỗi người phải chịu chi phí định giá tài sản là 834.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, để trả lại cho bà Hồ Thị N.

- Chi phí cho việc thành lập Hội đồng định giá lại tài sản và chi phí tiến hành thẩm định lại giá tài sản là 5.000.000 đồng, theo Phiếu thu số 274 ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn bà Hồ Thị N tự nguyện chịu nên Tòa án ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 631, 645, 674, 676 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh T.

2. Sửa bản án sơ thẩm.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn - bà Hồ Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Hồ Thị Thanh L , bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T , ông Hồ Thanh S .

2.1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Văn Đ , bà Nguyễn Thị C bao gồm: Bà Hồ Thị Thanh L , sinh năm 1966; bà Hồ Thị N, sinh năm 1968; bà Hồ Thị Ngọc L2, sinh năm 1971; bà Hồ Thị Thanh T , sinh năm 1973; ông Hồ Thanh S , sinh năm 1976; bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1978.

2.1.2. Xác định di sản thừa kế của ông Hồ Văn Đ , bà Nguyễn Thị C là quyền sử dụng đất có diện tích 144m², thuộc thửa số 628, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ số 83, đường G, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 10.080.000.000 (Mười tỷ không trăm tám mươi triệu) đồng và số tiền bồi thường hỗ trợ thiệt hại còn lại là 507.558.800 (năm trăm lẻ bảy triệu năm trăm năm mươi tám ngàn tám trăm) đồng.

2.1.3. Phân chia di sản thừa kế của ông Hồ Văn Đ , bà Nguyễn Thị C thành 06 kỷ phần cho 06 người gồm: Bà Hồ Thị Thanh L , bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T , ông Hồ Thanh S , bà Hồ Thị Thanh T. Mỗi người được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế:

Cụ thể:

- Bà Hồ Thị N được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế, tương đương số tiền là (1.680.000.000 đồng + 84.593.133 đồng) = 1.764.593.133 (một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm ba mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Thanh L được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế, tương đương số tiền là (1.680.000.000 đồng + 84.593.133 đồng) =

1.764.593.133 (một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm ba mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Ngọc L2 được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế, tương đương số tiền là (1.680.000.000 đồng + 84.593.133 đồng) = 1.764.593.133 (một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm ba mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Thanh T được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế, tương đương số tiền là (1.680.000.000 đồng + 84.593.133 đồng) = 1.764.593.133 (một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm ba mươi ba) đồng.

- Ông Hồ Thanh S được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế, tương đương số tiền là (1.680.000.000 đồng + 84.593.133 đồng) = 1.764.593.133 (một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm ba mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Thanh T được hưởng kỷ phần là 1/6 trị giá di sản thừa kế, tương đương số tiền là (1.680.000.000 đồng + 84.593.133 đồng) = 1.764.593.133 (một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm ba mươi ba) đồng.

Giao cho bà Hồ Thị Thanh T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 144m², thuộc thửa số 628, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ số 83, đường G1, khu dân cư số 1, Khu phố 2, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH00935 ngày 06/8/2010 do UBND Quận H cấp.

Buộc bà Hồ Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Bà Hồ Thị Thanh L , bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T và ông Hồ Thanh S , mỗi người số tiền là 1.764.593.133 (một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn một trăm ba mươi ba) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bà Hồ Thị Thanh T không chịu thi hành án hoặc không có khả năng thi hành án thì phát mãi theo quy định pháp luật toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 83, đường G, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH00935 ngày 06/8/2010 do UBND Quận H cấp cho bà Hồ Thị Thanh T) để chia cho các đồng thừa kế là Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S, bà Hồ Thị Thanh T, theo tỷ lệ mỗi người được hưởng 1/6 trị giá di sản thừa kế.

3. Án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.937.793 (Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số AC/2012/03855 ngày 12/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị N phải đóng thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.687.793 (năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.937.793 (Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số AC/2012/04852 ngày 31/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Thanh L phải đóng thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.687.793 (năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Ngọc L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.937.793 (Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số AC/2012/04853 ngày 31/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Ngọc L2 phải đóng thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.687.793 (năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.937.793 (Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số AC/2012/04855 ngày 31/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Thanh T phải đóng thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.687.793 (năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng.

- Ông Hồ Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.937.793 (Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số AC/2012/04854 ngày 31/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hồ Thanh S phải đóng thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.687.793 (năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.937.793 (Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi ba) đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho bà Hồ Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0015753 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T (Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Chi phí tố tụng:

3.3.1. Chi phí định giá tài sản là 5.000.000 đồng theo Phiếu thu số CT36 ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố T (Quận H cũ). Bà Hồ Thị N đã nộp đủ chi phí định giá tài sản.

Buộc Bà Hồ Thị Thanh L, bà Hồ Thị Ngọc L2, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Thanh S, bà Hồ Thị Thanh T, mỗi người phải trả lại chi phí định giá tài sản là 834.000 (tám trăm ba mươi bốn ngàn) đồng cho bà Hồ Thị N.

3.3.2. Chi phí định giá lại tài sản là 5.000.000 đồng theo Phiếu thu số 274 ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị N tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí định giá lại tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Tp.T, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Tp.T, Tp.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án (35).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình